TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **75/**2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mận
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Đào
Ông Trần Quốc Sự

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Bích T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

2. Bị đơn: Ông Phan Thượng S, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Bà T có mặt; ông S vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông S tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam vào năm 2011. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng bà xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai vợ chồng không hợp nhau, không cùng chung quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Nay bà

thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Thượng S.

Về nuôi con chung: Vợ chồng bà có một con chung là Phan Huỳnh Quốc T, sinh ngày 20/6/2012. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn ông Phan Thượng S: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, ông Phan Thượng Sỹ không đến Tòa án làm việc, cố tình trốn tránh nên không thể tiến hành lấy lời khai của ông S. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được.

Tại phiên tòa:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích T; Về quan hệ hôn nhân bà Huỳnh Thị Bích T ly hôn với ông Phan Thượng S; Về nuôi con chung: giao con chung Phan Huỳnh Quốc T, sinh ngày 20/6/2012 cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung bà T không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Bà Huỳnh Thị Bích T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Phan Thượng S hiện đang thường trú tại thôn K, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện P, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại

điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông Phan Thượng S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông S xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Xét thấy, theo trình bày của bà T thì trong thời gian chung sống giữa bà T và ông S xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cải vã, bà T xác định không còn tình cảm với ông S nữa và cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông S. Đối với ông S, Tòa án đã ra thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa tống đạt hợp lệ cho ông S. Tuy nhiên, ông S không đến tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa theo thông báo của Tòa án. Cho thấy ông S không tôn trọng pháp luật, không tôn trọng quan hệ hôn nhân của vợ chồng, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông S đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Huỳnh Thị Bích T và ông Phan Thượng S ly hôn.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng bà T, ông S có một con chung là Phan Huỳnh Quốc T, sinh ngày 20/6/2012. Khi ly hôn, bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Cha, mẹ đều có quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của Luật hôn nhân gia đình. Ông S không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến về con chung. Hiện nay, cháu T đang ở với bà T và được bà T chăm sóc, nuôi dạy tốt, phát triển bình thường. Cháu T đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu T cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông Sỹ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết, ông Sỹ không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà T khai không có, ông Sỹ không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Bích T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích Thưởng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Bích T ly hôn với ông Phan Thượng S.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phan Huỳnh Quốc T, sinh ngày 20/6/2012 cho bà Huỳnh Thị Bích T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. *Về nợ chung:* Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Huỳnh Thị Bích T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Thưởng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018093 ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh. Bà T đã nộp xong án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện P;
- THADS huyện P;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mận